

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 286/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực hoạt động  
kế toán, kiểm toán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực hoạt động kế toán, kiểm toán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 7/3/2018.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính tại thứ tự 3, 4, 5, 6, 7 tại danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 2083/QĐ-BTC ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Thủ trưởng các Tổng cục, vụ, cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** ↓

- Lãnh đạo Bộ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Như Điều 3;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Cục QLKT.(10)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**Phụ lục 01**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THỂ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-BTC ngày 7 tháng 3 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1		Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu)	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu)	Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011; Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập; Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	Kiểm toán	Cục Quản lý, Giám sát kế toán, kiểm toán
2		Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề kế toán (đăng ký lần đầu)	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kế toán viên (đăng ký lần đầu)	Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán; Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	Kế toán	Cục Quản lý, Giám sát kế toán, kiểm toán
3		Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên hành nghề (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)	Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011; Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán; Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	Kế toán, kiểm toán	Cục Quản lý, Giám sát kế toán, kiểm toán

4		Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài	Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài	<p>Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;  Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;  Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;  Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;  Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên;  Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.</p>	Kế toán, kiểm toán	Cục Quản lý, Giám sát kế toán, kiểm toán
5		Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ <i>hành nghề kế toán</i>	Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ <i>kế toán viên</i>	<p>Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;  Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;  Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên;  Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/12/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.</p>	Kế toán	Cục Quản lý, Giám sát kế toán, kiểm toán

<b>Thủ tục</b>	<b>Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu)</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Nộp hồ sơ</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ: Bộ Tài chính (Vụ CĐKT&amp;KT) tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức thi</p> <p>Bước 4: Công bố kết quả</p> <p>Bước 5: Phát chứng chỉ KTV</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính hoặc qua đơn vị được Bộ Tài chính ủy quyền trong thời hạn theo thông báo thi
<b>Hồ sơ</b>	<p>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:.</p> <p>a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú, có dán ảnh màu cỡ 3x4 và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02a hoặc Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư 91 kèm theo Giấy xác nhận về thời gian công tác thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán có chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền) và đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;</p> <p>c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú;</p> <p>d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 91, có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng. Nếu là bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác thì phải nộp kèm theo bảng điểm có chứng thực ghi rõ số đơn vị học trình (hoặc tiết học) của tất cả các môn học. Trường hợp người dự thi nộp bằng thạc sỹ, tiến sỹ thì phải nộp kèm theo bảng điểm học thạc sỹ, tiến sỹ có ghi rõ ngành học có chứng thực;</p> <p>đ) 3 ảnh màu cỡ 3x4cm mới chụp trong vòng 6 tháng và 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người nhận.</p> <p>2) Số lượng hồ sơ:        01                    (bộ)</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày kể từ ngày kết thúc thi
<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Bộ Tài chính
<b>Kết quả thực hiện TTHC</b>	Giấy chứng nhận điểm thi và Chứng chỉ kiểm toán viên
<b>Lệ phí</b>	200.000 đồng/ 1 môn thi
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b>	<p>1. Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;</p>

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác với tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trở lên trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác và có văn bằng, chứng chỉ hoàn thành các khóa học do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp bảo đảm các quy định tại Điều 9 Thông tư này;
3. Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 36 tháng, được tính trong khoảng thời gian từ tháng tốt nghiệp ghi trên bằng tốt nghiệp đại học (hoặc sau đại học) đến thời điểm đăng ký dự thi. Thời gian công tác thực tế về kiểm toán bao gồm thời gian làm trợ lý kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán, thời gian làm kiểm toán nội bộ tại bộ phận kiểm toán nội bộ của đơn vị, thời gian làm kiểm toán tại cơ quan Kiểm toán Nhà nước;
4. Nộp đầy đủ, đúng mẫu hồ sơ dự thi và chi phí dự thi theo quy định;
5. Không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 52 của Luật kế toán.

2. Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên thi 7 môn thi sau:

- (1) Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp;
- (2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;
- (3) Thuế và quản lý thuế nâng cao;
- (4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao;
- (5) Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao;
- (6) Phân tích hoạt động tài chính nâng cao;
- (7) Ngoại ngữ trình độ C của 01 trong 05 ngoại ngữ thông dụng: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức.

Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 7 môn thi có tổng số điểm các môn thi (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 38 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi và được Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ kiểm toán viên

#### **Mẫu đơn tờ khai**

Phụ lục số 02b, 03b, 04, 06 Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;  
Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;  
Thông tư 91/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về việc thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán

## PHỤ LỤC SỐ 02b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KÊ TOÁN VIÊN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh  
màu 3x4

### PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM...

- Họ và tên (*chữ in hoa*):.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
- Quê quán (hoặc Quốc tịch - đối với người nước ngoài):.....
- Số điện thoại:.....e.mail:.....
- Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....  
.....
- Trình độ chuyên môn:
  - Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
  - Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
  - Sau đại học: ..... Chuyên ngành:..... Năm:...

7. Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng.../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán
<b>Tổng cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	

8. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu  (2) Năm thứ 2  (3) Năm thứ 3  ... (4) Năm thứ ...

(5) Có chứng chỉ kế toán viên thi chuyển tiếp lấy Chứng chỉ KTV

9. Đăng ký dự thi tại: Hà Nội

TP. Hồ Chí Minh

10. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm ...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm...	Năm...	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao				
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao				
7. Ngoại ngữ:				
- Tiếng Anh				
- Tiếng Nga				
- Tiếng Pháp				
- Tiếng Trung				
- Tiếng Đức				

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị  
nơi đang công tác hoặc UBND  
địa phương nơi cư trú**

*Ngày ... tháng ... năm...*  
**Người đăng ký dự thi**  
*(Ký, họ tên)*



**PHỤ LỤC SỐ 03b**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐIỂM THI KIỂM TOÁN VIÊN**

Năm ...

HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN  
CHỨNG NHẬN:

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
3. Nơi làm việc: .....
4. Đã tham dự và đạt điểm thi các môn thi như sau:

Môn thi	Điểm thi	
	Bảng số	Bảng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao		
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao		
<b>Cộng:</b>		
7. Ngoại ngữ		

**TM. HỘI ĐỒNG THI  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC SỐ 04**

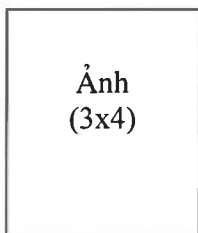
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN**  
**AUDITOR'S CERTIFICATE**

**Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of Finance**



Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

.....  
Năm sinh/*Date of birth:*.....

Quê quán (Quốc tịch)/*Nationality:*.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Auditor's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BỘ TRƯỞNG/MINISTER**

Số chứng chỉ:.../KTV

No.: .../KTV

Chữ ký/*Auditor's signature*

## PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

### GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC TẾ LÀM TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Kính gửi : (Tên cơ quan, đơn vị nơi đã công tác).....

(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh: .....

3. Giấy Chứng minh nhân dân số: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

4. Đăng ký thường trú tại: .....

5. Nơi ở hiện nay: .....

6. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ ..... đến .....	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán

#### XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Anh/Chị ..... nêu trên là đúng sự thật.

(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan, đơn vị xác nhận và đóng dấu)

...., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đó.



<b>Thủ tục</b>	<b>Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề kế toán (đăng ký lần đầu)</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Nộp hồ sơ</p> <p>Bước 2: Thẩm định hồ sơ: Bộ Tài chính (Vụ CDKT&amp;KT) tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức thi đối với thí sinh đủ điều kiện dự thi</p> <p>Bước 4: Công bố kết quả</p> <p>Bước 5: Phát chứng chỉ kế toán viên đối với những người thi đạt</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính hoặc qua đơn vị được Bộ Tài chính ủy quyền trong thời hạn theo thông báo thi
<b>Hồ sơ</b>	<p>Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú, có dán ảnh màu cỡ 3x4 và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02a hoặc Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo Giấy xác nhận về thời gian công tác thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán có chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền) và đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;</p> <p>c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú;</p> <p>d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, có xác nhận của tổ chức cấp hoặc cơ quan công chứng. Nếu là bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác thì phải nộp kèm theo bảng điểm có chứng thực ghi rõ số đơn vị học trình (hoặc tiết học) của tất cả các môn học. Trường hợp người dự thi nộp bằng thạc sỹ, tiến sỹ thì phải nộp kèm theo bảng điểm học thạc sỹ, tiến sỹ có ghi rõ ngành học có chứng thực;</p> <p>đ) 3 ảnh màu cỡ 3x4cm mới chụp trong vòng 6 tháng và 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người nhận.</p> <p>2. Người đăng ký dự thi tiếp các môn chưa thi hoặc thi lại các môn thi đã thi chưa đạt yêu cầu hoặc thi để đạt tổng số điểm quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này, hồ sơ gồm:</p> <p>a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú, có dán ảnh màu 3x4cm và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02a hoặc Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản sao Giấy chứng nhận điểm thi của các kỳ thi trước do Hội đồng thi thông báo;</p> <p>c) Ảnh và phong bì như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ:            01                    (bộ)</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày kể từ ngày kết thúc thi

<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Bộ Tài chính
<b>Kết quả thực hiện TTHC</b>	Giấy chứng nhận điểm thi và Chứng chỉ
<b>Lệ phí</b>	200.000 đồng/ 1 môn thi
<b>Mẫu đơn tờ khai</b>	Phụ lục số 02a,03a,05,06 Ban hành kèm theo Thông tư 91/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về việc thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b>	<p>Người dự thi lấy Chứng chỉ kế toán viên phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;</li> <li>2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác với tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích hoạt động tài chính, Thuế từ 7% trở lên trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành khác và có văn bằng, chứng chỉ hoàn thành các khóa học do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán cấp bảo đảm các quy định tại Điều 9 Thông tư này;</li> <li>3. Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu 36 tháng, được tính trong khoảng thời gian từ tháng tốt nghiệp ghi trên bằng tốt nghiệp đại học (hoặc sau đại học) đến thời điểm đăng ký dự thi. Thời gian công tác thực tế về kiểm toán bao gồm thời gian làm trợ lý kiểm toán tại doanh nghiệp kiểm toán, thời gian làm kiểm toán nội bộ tại bộ phận kiểm toán nội bộ của đơn vị, thời gian làm kiểm toán tại cơ quan Kiểm toán Nhà nước;</li> <li>4. Nộp đầy đủ, đúng mẫu hồ sơ dự thi và chi phí dự thi theo quy định;</li> <li>5. Không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 52 của Luật kế toán.</li> </ol> <p>2. Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán thi 4 môn thi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp;</li> <li>(2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;</li> <li>(3) Thuế và quản lý thuế nâng cao;</li> <li>(4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao.</li> </ol> <p>Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán: Người dự thi đạt yêu cầu cả 4 môn thi và có tổng số điểm từ 25 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi; được Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán</p>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<p>Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;</p> <p>Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;</p> <p>Thông tư 91/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về việc thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán</p>

## PHỤ LỤC SỐ 02a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh màu  
3x4

### PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KẾ TOÁN VIÊN Năm ...

- Họ và tên (*chữ in hoa*):.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
- Quê quán (hoặc Quốc tịch - đối với người nước ngoài):.....
- Số điện thoại:.....e.mail:.....
- Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....  
.....
- Trình độ chuyên môn:
  - Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
  - Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
  - Sau đại học: ..... Chuyên ngành:..... Năm:...

7. Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng...../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán
<b>Tổng cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	

8. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu  (2) Năm thứ 2  (3) Năm thứ 3  ... (4) Năm thứ ...

9. Đăng ký dự thi tại: Hà Nội

TP. Hồ Chí Minh

10. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm...	Năm...	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị  
nơi đang công tác hoặc UBND  
địa phương nơi cư trú**

*Ngày ... tháng ... năm...*  
**Người đăng ký dự thi**  
*(Ký, họ tên)*



**PHỤ LỤC SỐ 03a**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐIỂM THI KẾ TOÁN VIÊN**

Năm ...

**HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN  
CHỨNG NHẬN:**

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
3. Nơi làm việc: .....
4. Đã tham dự và đạt điểm thi các môn thi như sau:

Môn thi	Điểm thi	
	Bảng số	Bảng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
<b>Cộng:</b>		

**TM. HỘI ĐỒNG THI  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC SỐ 05**

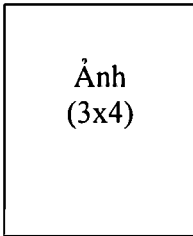
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KẾ TOÁN VIÊN**  
**ACCOUNTANT'S CERTIFICATE**

**Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of Finance**



Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

.....

Năm sinh/*Date of birth*:.....

Quê quán (Quốc tịch)/*Nationality*:.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kế toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Accountant's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BỘ TRƯỞNG/MINISTER**

Số chứng chỉ:.../KET

No.: .../KET

Chữ ký/ *Accountant's signature*

## PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

### GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC TẾ LÀM TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Kính gửi : (Tên cơ quan, đơn vị nơi đã công tác).....  
(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh: .....

3. Giấy Chứng minh nhân dân số: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

4. Đăng ký thường trú tại: .....

5. Nơi ở hiện nay: .....

6. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ ..... đến .....	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán

#### XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Anh/Chị ..... nêu trên là đúng sự thật.

(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan, đơn vị xác nhận và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đó.



<b>Thủ tục</b>	<b>Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có đủ các điều kiện dự thi theo quy định Bước 1: Nộp hồ sơ Bước 2: Thẩm định hồ sơ: Bộ Tài chính (Vụ CDKT&KT) tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ. Bước 3: Tổ chức thi Bước 4: Công bố kết quả Bước 5: Phát chứng chỉ
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính hoặc qua đơn vị được Bộ Tài chính ủy quyền trong thời hạn theo thông báo thi
<b>Hồ sơ</b>	1) Thành phần hồ sơ, bao gồm: a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú, có dán ảnh màu 3x4cm và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02a hoặc Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao Giấy chứng nhận điểm thi của các kỳ thi trước do Hội đồng thi thông báo; c) Ảnh và phong bì như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày kể từ ngày kết thúc thi
<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Bộ Tài chính
<b>Kết quả thực hiện TTHC</b>	Giấy chứng nhận điểm thi và Chứng chỉ
<b>Lệ phí</b>	200.000 đồng/ 1 môn thi
<b>Mẫu đơn tờ khai</b>	Phụ lục 02b,02b, 03a, 03b, 04, 05 Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b>	1. Người dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên thi 7 môn thi sau: (1) Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp; (2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao; (3) Thuế và quản lý thuế nâng cao; (4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao; (5) Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao; (6) Phân tích hoạt động tài chính nâng cao; (7) Ngoại ngữ trình độ C của 01 trong 05 ngoại ngữ thông dụng: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức. Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 7 môn thi có tổng số điểm các môn thi (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 38 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi và được Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ kiểm toán viên 2. Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán thi 4 môn thi sau: (1) Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp;

- (2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;
- (3) Thuế và quản lý thuế nâng cao;
- (4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao.

Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán: Người dự thi đạt yêu cầu cả 4 môn thi và có tổng số điểm từ 25 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi; được Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán

#### **Căn cứ pháp lý**

Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;

Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên

## PHỤ LỤC SỐ 02a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,**  
**KẾ TOÁN VIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh màu  
3x4

### PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KẾ TOÁN VIÊN Năm ...

- Họ và tên (chữ in hoa):.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
- Quê quán (hoặc Quốc tịch - đối với người nước ngoài):.....
- Số điện thoại:.....e.mail:.....
- Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....

6. Trình độ chuyên môn:

- Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
- Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
- Sau đại học: ..... Chuyên ngành:..... Năm:...

7. Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng...../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán
<b>Tổng cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	

8. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu  (2) Năm thứ 2  (3) Năm thứ 3  ... (4) Năm thứ ...

9. Đăng ký dự thi tại: Hà Nội  TP. Hồ Chí Minh

10. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm...	Năm...	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị  
nơi đang công tác hoặc UBND  
địa phương nơi cư trú**

*Ngày ... tháng ... năm...*  
**Người đăng ký dự thi**  
*(Ký, họ tên)*



## PHỤ LỤC SỐ 02b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh  
màu 3x4

### PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM...

- Họ và tên (*chữ in hoa*):.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
- Quê quán (hoặc Quốc tịch - đối với người nước ngoài):.....
- Số điện thoại:.....e.mail:.....
- Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....

6. Trình độ chuyên môn:

- Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
- Đại học:..... Chuyên ngành:..... Năm:...
- Sau đại học: ..... Chuyên ngành:..... Năm:...

7. Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng.../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán
<b>Tổng cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	

8. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu  (2) Năm thứ 2  (3) Năm thứ 3  ... (4) Năm thứ ...

(5) Có chứng chỉ kế toán viên thi chuyên tiếp lấy Chứng chỉ KTV

9. Đăng ký dự thi tại: Hà Nội

TP. Hồ Chí Minh

10. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm ...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm...	Năm...	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao				
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao				
7. Ngoại ngữ:				
- Tiếng Anh				
- Tiếng Nga				
- Tiếng Pháp				
- Tiếng Trung				
- Tiếng Đức				

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị  
nơi đang công tác hoặc UBND  
địa phương nơi cư trú**

*Ngày ... tháng ... năm...*  
**Người đăng ký dự thi**  
*(Ký, họ tên)*

## PHỤ LỤC SỐ 03a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỂM THI KẾ TOÁN VIÊN

Năm ...

HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN  
CHỨNG NHẬN:

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
3. Nơi làm việc: .....
4. Đã tham dự và đạt điểm thi các môn thi như sau:

Môn thi	Điểm thi	
	Bảng số	Bảng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
<b>Cộng:</b>		

**TM. HỘI ĐỒNG THI**  
**CHỦ TỊCH**

## PHỤ LỤC SỐ 03b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỂM THI KIỂM TOÁN VIÊN

Năm ...

HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN  
CHỨNG NHẬN:

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
3. Nơi làm việc: .....
4. Đã tham dự và đạt điểm thi các môn thi như sau:

Môn thi	Điểm thi	
	Bảng số	Bảng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao		
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao		
<b>Cộng:</b>		
7. Ngoại ngữ		

**TM. HỘI ĐỒNG THI**  
**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC SỐ 04**

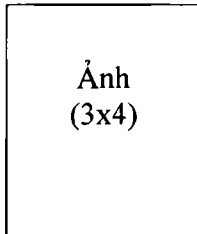
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN**  
**AUDITOR'S CERTIFICATE**

**Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of Finance**



Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

.....

Năm sinh/*Date of birth:*.....

Quê quán (Quốc tịch)/*Nationality:*.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Auditor's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BỘ TRƯỞNG/MINISTER**

Số chứng chỉ:.../KTV

*No.: .../KTV*

Chữ ký/*Auditor's signature*

**PHỤ LỤC SỐ 05**

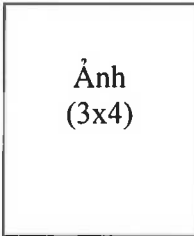
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KẾ TOÁN VIÊN**  
**ACCOUNTANT'S CERTIFICATE**

**Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of Finance**



Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

.....

Năm sinh/*Date of birth*:.....

Quê quán (Quốc tịch)/*Nationality*:.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kế toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Accountant's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BỘ TRƯỞNG/MINISTER**

Số chứng chỉ:.../KET

No.: .../KET

Chữ ký/ *Accountant's signature*

<b>Thủ tục</b>	<b>Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	Bước 1: Nộp hồ sơ Bước 2: Thẩm định hồ sơ: Bộ Tài chính (Vụ CĐKT&KT) tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ. Bước 3: Tổ chức thi đối với thí sinh đủ điều kiện dự thi Bước 4: Công bố kết quả Bước 5: Phát chứng chỉ kế toán viên đối với những người thi đạt
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính hoặc qua đơn vị được Bộ Tài chính ủy quyền trong thời hạn theo thông báo thi
<b>Hồ sơ</b>	1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:. a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác, có dán ảnh màu 3x4cm và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02c ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao, bản dịch ra tiếng Việt có chứng thực chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài; c) Tài liệu (bao gồm cả bản dịch ra tiếng Việt có chứng thực nếu tài liệu bằng tiếng nước ngoài) chứng minh người dự thi là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp; d) 03 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong vòng 6 tháng và 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận; đ) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; e) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú; g) Tài liệu chứng minh có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 đối với các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 10. 2. Hồ sơ dự thi do Hội đồng thi phát hành theo mẫu thống nhất. Người đăng ký dự thi phải nộp hồ sơ cho Hội đồng thi chậm nhất 30 ngày trước khi thi. 2) Số lượng hồ sơ:            01                    (bộ)
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày kể từ ngày kết thúc thi
<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Bộ Tài chính
<b>Kết quả thực hiện TTHC</b>	Giấy chứng nhận điểm thi và Chứng chỉ kế toán viên và Chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề
<b>Lệ phí</b>	2.000.000 đồng
<b>Mẫu đơn tờ khai</b>	Phụ lục số 02c,03c,04,05,06 Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b>	* Điều kiện dự thi và nội dung thi sát hạch 1. Những người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên của các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận, muốn được cấp chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên của Việt Nam phải dự thi sát hạch

kiến thức về luật pháp Việt Nam.

Trường hợp tổ chức cấp chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên là cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không phải là tổ chức nghề nghiệp) thì người dự thi phải là hội viên chính thức của tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp đó phải là thành viên của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC). Nội dung học và thi để lấy chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên phải tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên của Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC);  
b) Có nội dung học và thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên tương đương hoặc cao hơn nội dung học và thi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận theo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Hiệp hội kế toán công chứng Vương quốc Anh (The Association of Chartered Certified Accountants - ACCA);

b) Hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (CPA Australia);

c) Viện Kế toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW).

d) Các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài khác có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên.

5. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên gồm các phần:

(1) Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp;

(2) Tài chính và quản lý tài chính;

(3) Thuế và quản lý thuế;

(4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị;

(5) Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm.

6. Nội dung kỳ thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán gồm các phần (1), (2), (3) và (4) quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Nội dung, yêu cầu từng phần thi sát hạch quy định tại Phụ lục số 01.

8. Người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, đã tham dự và đạt yêu cầu các kỳ thi phối hợp giữa Bộ Tài chính Việt Nam với ACCA thì được miễn thi phần (1), (3) quy định tại khoản 5 Điều này.

9. Ngôn ngữ sử dụng trong kỳ thi là tiếng Việt.

10. Thời gian thi là 180 phút cho cả 05 phần thi. Người tham gia 4 phần thi thì thời gian thi là 145 phút. Người tham gia 3 phần thi thì thời gian thi là 110 phút.

**\* Kết quả thi sát hạch**

1. Thang điểm chấm thi là thang điểm 100. Điểm thi chấm từ 1 điểm trở lên.

2. Đối với thi sát hạch để cấp Chứng chỉ kiểm toán viên, bài thi đạt yêu cầu là bài thi đạt từ 70 điểm trở lên hoặc từ 42 điểm trở lên đối với người được miễn thi phần (1) và phần (3) hoặc từ 56 điểm trở lên đối với người được miễn thi phần (1) hoặc phần (3). Đối với thi sát hạch để cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán, bài thi đạt yêu cầu là bài thi đạt từ 56 điểm trở lên. Kết quả thi được thông báo cho từng người dự thi.

3. Người đạt kết quả thi được Bộ Tài chính cấp Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán.

**Căn cứ pháp lý**

Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;



Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;

Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên

### **PHỤ LỤC SỐ 03c**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN,  
KẾ TOÁN VIÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỂM THI SÁT HẠCH NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN NƯỚC NGOÀI**

Năm ...

HỘI ĐỒNG THI KIỂM TOÁN VIÊN, KẾ TOÁN VIÊN  
CHỨNG NHẬN:

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: .....
3. Quốc tịch:.....
4. Số báo danh: .....
5. Nơi làm việc: .....
6. Điểm thi sát hạch..... Bằng chữ.....

**TM. HỘI ĐỒNG THI**  
**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC SỐ 04**

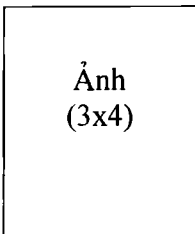
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN**  
**AUDITOR'S CERTIFICATE**

**Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of Finance**



Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

.....

Năm sinh/*Date of birth*:.....

Quê quán (Quốc tịch)/*Nationality*:.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Auditor's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BỘ TRƯỞNG/MINISTER**

Số chứng chỉ:.../KTV

No.: .../KTV

Chữ ký/*Auditor's signature*

## PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)

### GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC TẾ LÀM TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Kính gửi : (Tên cơ quan, đơn vị nơi đã công tác).....

(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh: .....

3. Giấy Chứng minh nhân dân số: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

4. Đăng ký thường trú tại: .....

5. Nơi ở hiện nay: .....

6. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ ..... đến .....	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán

#### XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Anh/Chị ..... nêu trên là đúng sự thật.

(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan, đơn vị xác nhận và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đó.

**PHỤ LỤC SỐ 05**

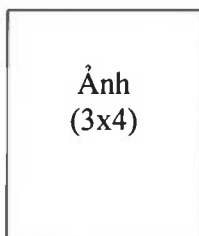
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KẾ TOÁN VIÊN**  
**ACCOUNTANT'S CERTIFICATE**

**Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of Finance**



Cấp cho Ông (Bà)/ *Hereby certifies that Mr/Mrs:*

.....

Năm sinh/*Date of birth:*.....

Quê quán (Quốc tịch)/*Nationality:*.....

Đạt yêu cầu kỳ thi kế toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Accountant's Certificate examination organised by the Ministry of Finance on...*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BỘ TRƯỞNG/MINISTER**

Số chứng chỉ:.../KET

No.: .../KET

Chữ ký/ *Accountant's signature*

<b>Thủ tục</b>	<b>Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có đủ các điều kiện dự thi theo quy định Bước 1: Nộp hồ sơ Bước 2: Thẩm định hồ sơ: Bộ Tài chính (Vụ CĐKT&KT) tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ. Bước 3: Tổ chức thi Bước 4: Công bố kết quả Bước 5: Phát chứng chỉ KTV
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính hoặc qua đơn vị được Bộ Tài chính ủy quyền trong thời hạn theo thông báo thi
<b>Hồ sơ</b>	1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:. a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú, có dán ảnh màu 3x4cm và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú; d) Bản sao có chứng thực chứng chỉ kế toán viên; đ) Ảnh và phong bì như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. 4. Hồ sơ dự thi do Hội đồng thi phát hành theo mẫu thống nhất. Người đăng ký dự thi phải nộp hồ sơ cho Hội đồng thi hoặc đơn vị được Hội đồng thi ủy quyền trong thời hạn theo thông báo của Hội đồng thi. 5. Đơn vị nhận hồ sơ dự thi chỉ nhận hồ sơ khi người đăng ký dự thi nộp đầy đủ giấy tờ trên và nộp đủ chi phí dự thi. 6. Chi phí dự thi được hoàn trả cho người không đủ điều kiện dự thi hoặc người có đơn xin không tham dự kỳ thi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thi công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi. và 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người nhận 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày kể từ ngày kết thúc thi
<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Bộ Tài chính
<b>Kết quả thực hiện TTHC</b>	Giấy chứng nhận điểm thi và Chứng chỉ kiểm toán viên
<b>Lệ phí</b>	200 đồng/ 1 môn thi
<b>Mẫu đơn tờ khai</b>	Phụ lục số 02b,03b,04,06 Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT- của Bộ trưởng Bộ Tài chính
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành</b>	Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán thi 4 môn thi sau: (1) Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp;

**chính (nếu có):**

(2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;

(3) Thuế và quản lý thuế nâng cao;

(4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao.

Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán: Người dự thi đạt yêu cầu cả 4 môn thi theo quy định và có tổng số điểm từ 25 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi;

Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 7 môn thi quy định và có tổng số điểm các môn thi (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 38 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi;

Đối với trường hợp có Chứng chỉ hành nghề kế toán dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 3 môn thi quy định và có tổng số điểm môn thi (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 12,5 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi.

Người dự thi đạt yêu cầu thi theo quy định được cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán và người dự thi đạt yêu cầu thi theo quy định được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên.

**Căn cứ pháp lý**

Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên

## PHỤ LỤC SỐ 02b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**HỘI ĐỒNG THI**  
**KIỂM TOÁN VIÊN VÀ KẾ TOÁN VIÊN**  
**HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh  
màu  
(3x4)

### **PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI** **KIỂM TOÁN VIÊN NĂM.....**

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):.....SBD:.....
2. Số điện thoại.....email.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
4. Quê quán:.....
5. Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....

6. Trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp: Đại học: ..... Chuyên ngành ..... Năm .....

Đại học: ..... Chuyên ngành ..... Năm .....

Học vị (kê khai học vị cao nhất): ..... Năm:.....

Học hàm: ..... Năm .....

7. Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng...../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán
---------------------------------------	-------------------------------------	---------------------	-------------------------	--

<b>Tổng cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	

8. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu  (2) Năm thứ 2  (3) Năm thứ 3

(4) Có Chứng chỉ hành nghề kế toán, thi chuyển tiếp lấy Chứng chỉ KTV

9. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm ....	Năm.....	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao				
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao				
7. Ngoại ngữ:				
- Tiếng Anh				
- Tiếng Nga				
- Tiếng Pháp				
- Tiếng Trung				
- Tiếng Đức				

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác  
hoặc UBND địa phương nơi cư trú**

Ngày ... tháng ... năm ....

**Người đăng ký dự thi**



## PHỤ LỤC SỐ 03b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THI**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KIỂM TOÁN VIÊN VÀ KẾ TOÁN VIÊN  
HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐIỂM THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM .....(\*)  
HỘI ĐỒNG THI KTV VÀ KẾ TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC  
CHỨNG NHẬN:**

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
3. Nơi làm việc: .....
4. Đã tham dự và đạt điểm thi các môn thi như sau:

Môn thi	Điểm thi	
	Bằng số	Bằng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao		
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao		
<b>Cộng:</b>		
7. Ngoại ngữ		

Giấy chứng nhận điểm thi là căn cứ để xét các thí sinh đạt yêu cầu thi và là căn cứ để lập hồ sơ đăng ký thi tiếp các môn thi chưa thi, thi lại các môn thi chưa đạt yêu cầu hoặc thi để đạt tổng số điểm tối thiểu đối với những thí sinh chưa đạt yêu cầu thi.

**TM. HỘI ĐỒNG THI  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, họ tên)*

**PHỤ LỤC SỐ 04**

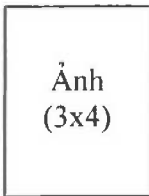
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN**  
**AUDITOR'S CERTIFICATE**

Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of finance



Cấp cho ông (Bà)/ Hereby certifies that Mr/Mrs:

.....

Năm sinh/Date of birth:.....

Quốc tịch (Quốc tịch)/Nationality.....

Đạt kết quả kỳ thi Kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Auditor's Certificate (AC) examination organised by the Ministry of Finance on .....*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**KT. BỘ TRƯỞNG/MINISTER**  
**THỨ TRƯỞNG/VICE MINISTER**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Số chứng chỉ KTV/AC No.:

...../KTV

Chữ ký KTV/Auditor's signature

## PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

### GIẤY XÁC NHẬN

#### THỜI GIAN THỰC TẾ LÀM TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Kính gửi : (Tên cơ quan, đơn vị nơi đã công tác).....

(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh: .....

3. Giấy Chứng minh nhân dân số: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

4. Đăng ký thường trú tại: .....

5. Nơi ở hiện nay: .....

6. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ ..... đến .....	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán

#### XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Anh/Chị .....  
nêu trên là đúng sự thật.

(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan, đơn vị xác nhận và đóng dấu)

....., ngày .... tháng.....năm ...

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đó.

<b>Thủ tục</b>	<b>Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	Người Việt Nam hoặc người nước ngoài có đủ các điều kiện dự thi theo quy định Bước 1: Nộp hồ sơ Bước 2: Thẩm định hồ sơ: Bộ Tài chính (Vụ CĐKT&KT) tiếp nhận hồ sơ và thẩm định hồ sơ. Bước 3: Tổ chức thi Bước 4: Công bố kết quả Bước 5: Phát chứng chỉ KTV
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính hoặc qua đơn vị được Bộ Tài chính ủy quyền trong thời hạn theo thông báo thi
<b>Hồ sơ</b>	1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:. a) Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú, có dán ảnh màu 3x4cm và đóng dấu giáp lai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02b ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú; d) Bản sao có chứng thực chứng chỉ kế toán viên; đ) Ảnh và phong bì như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. 4. Hồ sơ dự thi do Hội đồng thi phát hành theo mẫu thống nhất. Người đăng ký dự thi phải nộp hồ sơ cho Hội đồng thi hoặc đơn vị được Hội đồng thi ủy quyền trong thời hạn theo thông báo của Hội đồng thi. 5. Đơn vị nhận hồ sơ dự thi chỉ nhận hồ sơ khi người đăng ký dự thi nộp đầy đủ giấy tờ trên và nộp đủ chi phí dự thi. 6. Chi phí dự thi được hoàn trả cho người không đủ điều kiện dự thi hoặc người có đơn xin không tham dự kỳ thi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thi công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi. và 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người nhận 2. Số lượng hồ sơ:           01                   (bộ)
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày kể từ ngày kết thúc thi
<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	Cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Bộ Tài chính
<b>Kết quả thực hiện TTHC</b>	Giấy chứng nhận điểm thi và Chứng chỉ kiểm toán viên
<b>Lệ phí</b>	200 đồng/ 1 môn thi
<b>Mẫu đơn tờ khai</b>	Phụ lục số 02b,03b,04,06 Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2017/TT- của Bộ trưởng Bộ Tài chính
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành</b>	Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán thi 4 môn thi sau: (1) Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp;

**chính (nếu có):**

(2) Tài chính và quản lý tài chính nâng cao;

(3) Thuế và quản lý thuế **nâng cao**;

(4) Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao.

Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán: Người dự thi đạt yêu cầu cả 4 môn thi theo quy định và có tổng số điểm từ 25 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi;

Đối với trường hợp dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 7 môn thi quy định và có tổng số điểm các môn thi (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 38 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi;

Đối với trường hợp có Chứng chỉ hành nghề kế toán dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi đạt yêu cầu cả 3 môn thi quy định và có tổng số điểm môn thi (trừ môn thi Ngoại ngữ) từ 12,5 điểm trở lên là đạt yêu cầu thi.

Người dự thi đạt yêu cầu thi theo quy định được cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán và người dự thi đạt yêu cầu thi theo quy định được cấp Chứng chỉ kiểm toán viên.

**Căn cứ pháp lý**

Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Thông tư 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên

## PHỤ LỤC SỐ 02b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**HỘI ĐỒNG THI**  
**KIỂM TOÁN VIÊN VÀ KẾ TOÁN VIÊN**  
**HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh  
màu  
(3x4)

### **PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI** **KIỂM TOÁN VIÊN NĂM....**

- Họ và tên (*chữ in hoa*):.....SBD:.....
- Số điện thoại.....email.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam (Nữ):.....
- Quê quán:.....
- Chức vụ, đơn vị nơi đang công tác:.....

6. Trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp: Đại học: ..... Chuyên ngành ..... Năm .....

Đại học: ..... Chuyên ngành ..... Năm .....

Học vị (kê khai học vị cao nhất): ..... Năm:.....

Học hàm: ..... Năm .....

7. Thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán (kèm theo tài liệu chứng minh về thời gian thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán):

Từ tháng...../... đến tháng.../...	Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán

Tổng cộng	x	x	x	

8. Đăng ký dự thi:

(1) Lần đầu  (2) Năm thứ 2  (3) Năm thứ 3   
 (4) Có Chứng chỉ hành nghề kế toán, thi chuyển tiếp lấy Chứng chỉ KTV

9. Đánh dấu nhân (x) môn thi đăng ký dự thi vào biểu sau:

Môn thi	Đăng ký dự thi kỳ thi năm...	Điểm các môn thi đã dự thi		Ghi chú
		Năm ....	Năm.....	
1. Pháp luật về kinh tế và Luật Doanh nghiệp				
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao				
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao				
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao				
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao				
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao				
7. Ngoại ngữ:				
- Tiếng Anh				
- Tiếng Nga				
- Tiếng Pháp				
- Tiếng Trung				
- Tiếng Đức				

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang công tác  
 hoặc UBND địa phương nơi cư trú**

*Ngày ... tháng ... năm ....*

**Người đăng ký dự thi**

*(Ký, họ tên)*



## PHỤ LỤC SỐ 03b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THI**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KIỂM TOÁN VIÊN VÀ KẾ TOÁN VIÊN  
HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐIỂM THI KIỂM TOÁN VIÊN NĂM .....(\*)  
HỘI ĐỒNG THI KTV VÀ KẾ TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ CẤP NHÀ NƯỚC  
CHỨNG NHẬN:**

1. Ông/Bà: .....
2. Năm sinh: ..... Số báo danh: .....
3. Nơi làm việc: .....
4. Đã tham dự và đạt điểm thi các môn thi như sau:

Môn thi	Điểm thi	
	Bảng số	Bảng chữ
1. Pháp luật về kinh tế và Luật doanh nghiệp		
2. Tài chính và quản lý tài chính nâng cao		
3. Thuế và quản lý thuế nâng cao		
4. Kế toán tài chính, kế toán quản trị nâng cao		
5. Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm nâng cao		
6. Phân tích hoạt động tài chính nâng cao		
<b>Cộng:</b>		
7. Ngoại ngữ		

Giấy chứng nhận điểm thi là căn cứ để xét các thí sinh đạt yêu cầu thi và là căn cứ để lập hồ sơ đăng ký thi tiếp các môn thi chưa thi, thi lại các môn thi chưa đạt yêu cầu hoặc thi để đạt tổng số điểm tối thiểu đối với những thí sinh chưa đạt yêu cầu thi.

**TM. HỘI ĐỒNG THI  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC SỐ 04**

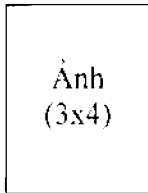
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**MINISTRY OF FINANCE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN**  
**AUDITOR'S CERTIFICATE**

Bộ trưởng Bộ Tài chính/ Minister of finance



Cấp cho ông (Bà)/ Hereby certifies that Mr/Mrs:

.....

Năm sinh/Date of birth:.....

Quê quán (Quốc tịch)/Nationality.....

Đạt kết quả kỳ thi Kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức tháng ... năm ...

*Has passed the Auditor's Certificate (AC) examination organised by the Ministry of Finance on .....*

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**KT. BỘ TRƯỞNG/MINISTER**  
**THỨ TRƯỞNG/VICE MINISTER**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Số chứng chỉ KTV/AC No.:

...../KTV

Chữ ký KTV/Auditor's signature

**PHỤ LỤC SỐ 06**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**GIẤY XÁC NHẬN**

**THỜI GIAN THỰC TẾ LÀM TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN**

Kính gửi : *(Tên cơ quan, đơn vị nơi đã công tác)*.....

*(Địa chỉ cơ quan, đơn vị)*.....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh: .....

3. Giấy Chứng minh nhân dân số: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

4. Đăng ký thường trú tại: .....

5. Nơi ở hiện nay: .....

6. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình thực tế làm tài chính, kế toán, kiểm toán tại cơ quan, đơn vị như sau:

<b>Thời gian</b> Từ ..... đến .....	<b>Bộ phận</b> <b>làm việc</b>	<b>Chức danh,</b> <b>công việc</b>	<b>Số tháng thực tế</b> <b>làm tài chính, kế</b> <b>toán, kiểm toán</b>

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

*Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Anh/Chị ..... nêu trên là đúng sự thật.*

*(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan, đơn vị xác nhận và đóng dấu)*

....., ngày .... tháng.....năm ...

**Người đề nghị**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:** Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đó.

